

**THÔNG TƯ**

*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học,*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 1 Điều 6 thành điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và điểm số đối với các môn học còn lại:

- Đánh giá bằng điểm số kết quả thực hiện các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả đánh giá được cho điểm theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10; nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10.

- Đánh giá bằng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình học tập môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 6 như sau:

“a) Đối với các môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và điểm số: nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả học tập môn học sau mỗi học kì,

cả năm học; tính điểm trung bình môn học và tính điểm trung bình các môn học sau mỗi học kì, cả năm học;”.

### 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Hình thức kiểm tra đánh giá, các loại kiểm tra đánh giá, hệ số điểm bài kiểm tra đánh giá

#### 1. Hình thức kiểm tra đánh giá

a) Hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên: hỏi – đáp, thuyết trình, viết ngắn (trên giấy hoặc trên máy tính), thực hành, sản phẩm học tập.

b) Hình thức kiểm tra đánh giá định kì: bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính; thuyết trình; thực hành; sản phẩm học tập.

c) Mỗi hình thức kiểm tra đánh giá phải có hướng dẫn cụ thể và được thông báo công khai trước khi thực hiện.

#### 2. Các loại kiểm tra đánh giá

a) Kiểm tra đánh giá thường xuyên quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Số lần kiểm tra đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Kiểm tra đánh giá định kì kết quả giáo dục học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kiểm tra đánh giá định kì gồm có kiểm tra đánh giá giữa kì và kiểm tra đánh giá cuối kì. Thời gian quy định đối với bài kiểm tra đánh giá bằng điểm số theo hình thức bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính như sau:

- Môn học có dưới 70 tiết/năm học: bài kiểm tra đánh giá giữa kì không quá 45 phút, bài kiểm tra đánh giá cuối kì không quá 60 phút.

- Môn học có trên 70 tiết/năm học: bài kiểm tra đánh giá giữa kì không quá 45 phút, bài kiểm tra đánh giá cuối kì không quá 90 phút.

#### 3. Hệ số điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì

Điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên ( $\text{ĐĐG}_{\text{tx}}$ ) được tính hệ số 1, điểm kiểm tra đánh giá giữa kì ( $\text{ĐĐG}_{\text{gk}}$ ) được tính hệ số 2, điểm kiểm tra đánh giá cuối kì ( $\text{ĐĐG}_{\text{ck}}$ ) được tính hệ số 3.

### 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Số điểm kiểm tra đánh giá và cách cho điểm

1. Trong mỗi học kì, số  $\text{ĐĐG}_{\text{tx}}$ ,  $\text{ĐĐG}_{\text{gk}}$  và  $\text{ĐĐG}_{\text{ck}}$  của một học sinh đối với từng môn học (bao gồm chủ đề tự chọn) được thực hiện như sau:

a) Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 (hai) ĐĐG<sub>tx</sub>
- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 (ba) ĐĐG<sub>tx</sub>
- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 (bốn) ĐĐG<sub>tx</sub>

b) Kiểm tra đánh giá định kì

Mỗi môn học có 1 (một) ĐĐG<sub>gk</sub> và 1 (một) ĐĐG<sub>ck</sub>.

2. Đối với môn chuyên: Hiệu trưởng trường trung học phổ thông chuyên quy định số ĐĐG<sub>tx</sub> đối với môn chuyên không vượt quá 1,5 (một phẩy năm) lần số ĐĐG<sub>tx</sub> theo quy định ở điểm a khoản 1 Điều này; thời gian quy định đối với bài kiểm tra đánh giá định kì bằng điểm số theo hình thức bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính không vượt quá 1,5 (một phẩy năm) lần thời gian quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7.

3. Điểm các bài kiểm tra đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

4. Những học sinh không đủ số điểm kiểm tra đánh giá theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu có lí do chính đáng thì được kiểm tra đánh giá bù bài kiểm tra đánh giá đó với hình thức, mức độ kiến thức, kĩ năng và thời gian tương đương. Việc kiểm tra đánh giá bù được hoàn thành trong từng học kì.

5. Trường hợp học sinh không có đủ số điểm kiểm tra đánh giá theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà không có lí do chính đáng hoặc không tham gia kiểm tra đánh giá bù sẽ nhận điểm 0 của bài kiểm tra đánh giá đó.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Đối với các môn học kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và điểm số

a) Điểm trung bình môn học kì (ĐTB<sub>mhk</sub>) là trung bình cộng của điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên, điểm kiểm tra đánh giá giữa kì và điểm kiểm tra đánh giá cuối kì với các hệ số quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này như sau:

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG<sub>tx</sub>: Tổng điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Đánh giá học sinh khuyết tật

1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc đồng viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu

cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“d) Hạnh kiểm cả năm xếp loại cần rèn luyện thêm, nhưng không rèn luyện trong kì nghỉ hè hoặc sau rèn luyện trong kì nghỉ hè vẫn bị xếp loại cần rèn luyện thêm.

3. Việc xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật thực hiện theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.”.

8. Bổ sung thêm khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Học sinh không đạt danh hiệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nhưng đạt thành tích nổi bật hoặc có tiến bộ vượt bậc trong học tập, rèn luyện được hiệu trưởng nhà trường tặng giấy khen”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 19 như sau:

"1. Thực hiện kiểm tra đánh giá thường xuyên; tham gia kiểm tra đánh giá định kì theo phân công của Hiệu trưởng; trực tiếp ghi điểm hoặc mức nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh; đối với hình thức kiểm tra đánh giá bằng hỏi - đáp, giáo viên phải nhận xét, góp ý kết quả trả lời của học sinh trước lớp, nếu quyết định cho điểm hoặc ghi nhận xét (đối với các môn đánh giá bằng nhận xét) vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh thì phải thực hiện ngay sau đó."

2. Tính điểm trung bình môn học (đối với các môn học kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số), xếp loại nhận xét môn học (đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét) theo học kỳ, cả năm học và trực tiếp ghi vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh, vào học bạ."

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 21 như sau:

"4. Tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá định kì các môn học theo quy định tại Quy chế này; kiểm tra đánh giá lại các môn học theo quy định tại Điều 16 Quy chế này; phê duyệt và công bố danh sách học sinh được lên lớp sau khi có kết quả kiểm tra lại các môn học, kết quả rèn luyện về hạnh kiểm trong kỳ nghỉ hè."

**Điều 2.** Thay thế từ hoặc cụm từ: từ “yếu (Y)” trong khoản 2 Điều 3, khoản 4 Điều 4, điểm b khoản 2 Điều 15 và Điều 17 bằng cụm từ “cần rèn luyện thêm”; thay cụm từ “số lần” tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 10 bằng cụm từ “số điểm”; thay cụm từ “cho điểm” tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 bằng cụm

từ “điểm số”; thay cụm từ “Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2007” tại khoản 5 Điều 12 bằng cụm từ “Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19/11/2012”; thay cụm từ “của 1 trong 2 môn Toán, Ngữ văn” tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 13 bằng cụm từ “của 1 trong 3 môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ”; thay cụm từ “của một môn học nào đó” tại khoản 6 Điều 13 bằng cụm từ “của duy nhất một môn học nào đó”; thay cụm từ "số gọi tên và ghi điểm" trong Điều 20 và Điều 21 bằng cụm từ "số theo dõi và đánh giá học sinh"; bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 3 và điểm b khoản 1 Điều 6.

**Điều 3.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020. Thông tư này thực hiện từ năm học 2020-2021 đối với học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông học theo Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp trung học cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BGDĐT ngày 03/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 5209/QĐ-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình môn Tiếng Pháp Ngoại ngữ 2 ban hành kèm theo Quyết định số 2092/QĐ-BGDĐT ngày 20/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình các môn học trong Chương trình song ngữ tiếng Pháp (gồm các môn Tiếng Pháp, Toán bằng Tiếng Pháp, Vật lý bằng Tiếng Pháp) ban hành kèm theo Quyết định số 3452/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình giáo dục phổ thông thí điểm môn Tiếng Hàn-Ngoại ngữ 2 cấp trung học ban hành kèm theo Quyết định số 3735/QĐ-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình giáo dục phổ thông thí điểm môn Tiếng Nhật-Ngoại ngữ 1 hệ 10 năm cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 2744/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD TNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo trung ương;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Độ**